



29 trường hợp thay đổi, cải chính hộ tịch và trực tiếp chứng thực 02 hợp đồng, giao dịch.

## **II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH**

Kết quả kiểm tra hồ sơ, sổ sách đối với 29 trường hợp Phòng Tư pháp tham mưu UBND huyện Trà Bồng thực hiện thay đổi, cải chính hộ tịch và 02 trường hợp Phòng Tư pháp thực hiện chứng thực hợp đồng, giao dịch, cụ thể như sau:

### **1. Về thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch**

#### **1.1. Về Sổ hộ tịch**

- Bìa Sổ không ghi thông tin về quyển số, ngày tháng năm mở Sổ, ngày tháng năm khóa Sổ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch (từ ngày 16/7/2020, nội dung này được quy định tại khoản 1 Điều 36 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch):

*"Số quyển của Sổ hộ tịch được đánh số và ghi theo thứ tự sử dụng của từng loại sổ trong năm, bắt đầu từ số 01.*

*Ví dụ: - Sổ đăng ký giám hộ, số: 01-TP/HT-2015-GH*

*- Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con, số: 01-TP/HT-2015-CMC.*

*Ngày mở sổ là ngày đăng ký sự kiện hộ tịch đầu tiên của sổ".*

- Không thực hiện việc đóng dấu giáp lai, khóa Sổ hộ tịch không đúng theo quy định tại Điều 58 Luật Hộ tịch năm 2014 và khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 36 Thông tư số 04/2020/TT-BTP: Mỗi loại việc hộ tịch phải được ghi vào 01 quyển sổ, các trang phải đóng dấu giáp lai; việc khóa Sổ hộ tịch được thực hiện vào ngày cuối cùng của năm. Khi khóa Sổ hộ tịch phải ghi rõ tổng số trang và tổng số sự kiện hộ tịch đã đăng ký; người đứng đầu cơ quan đăng ký hộ tịch ký, đóng dấu.

(Cuối năm 2020, có thực hiện khóa Sổ, có chữ ký của công chức làm công tác hộ tịch và chữ ký, con dấu của Trưởng Phòng Tư pháp nhưng không có chữ ký, con dấu của UBND huyện Trà Bồng).

- 02 trường hợp, đăng ký thay đổi, cải chính trong năm 2020, sổ đăng ký không ghi liên tục theo thứ tự. Cụ thể: Trường hợp đăng ký thứ ba ở trang số 82 nhưng có số thứ tự và số đăng ký là 04/2020, trường hợp đăng ký thứ tư ở trang số 83 nhưng có số thứ tự và số đăng ký là 03/2020.

#### **1.2. Về hồ sơ đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch**

- Một số trường hợp, nội dung đăng ký hộ tịch là cải chính hộ tịch nhưng xác định là thay đổi hộ tịch là không đúng quy định tại Điều 26, Điều 45 Luật Hộ tịch năm 2014. Cụ thể: Tại số đăng ký 03/TLCCHT ngày 06/02/2020, cải chính chữ đệm tên người mẹ trong Sổ đăng ký khai sinh và Giấy đăng ký khai sinh của Nguyễn Thị Vui nhưng ghi “thay đổi chữ đệm tên mẹ”; tại số đăng ký 04/TLCCHT ngày 06/02/2020, cải chính tháng sinh và chữ đệm tên người mẹ trong Sổ đăng ký khai sinh và Giấy đăng ký khai sinh của Nguyễn Thị Như nhưng ghi “cải chính tháng sinh và thay đổi chữ đệm tên mẹ”; tại số đăng ký 12/TLCCHT ngày 16/4/2020, cải chính tên đệm và tháng sinh trong Giấy chứng nhận kết hôn của Bùi Thị Hương nhưng ghi “thay đổi tên đệm và cải chính tháng sinh trong Giấy đăng ký kết hôn”; tại số đăng ký 13/TLCCHT ngày 22/4/2020, cải chính tên đệm, tháng sinh, năm sinh, số Chứng minh nhân dân và ngày cấp trong Sổ đăng ký kết hôn và Giấy chứng nhận kết hôn của Ngô Thị Thu Ba nhưng ghi “thay đổi tên đệm, tháng sinh, năm sinh, số Chứng minh nhân dân và ngày cấp”.

Những trường hợp này, nội dung đăng ký hộ tịch là cải chính hộ tịch: Chỉnh sửa thông tin cá nhân trong Sổ hộ tịch và giấy tờ hộ tịch khi có sai sót do lỗi của công chức làm công tác hộ tịch hoặc của người yêu cầu đăng ký hộ tịch; không phải thay đổi hộ tịch. Bởi vì, tại Điều 26, Điều 45 Luật Hộ tịch năm 2014 quy định về phạm vi thay đổi hộ tịch, gồm có:

*“1. Thay đổi họ, chữ đệm và tên của cá nhân trong nội dung khai sinh đã đăng ký khi có căn cứ theo quy định của pháp luật dân sự.*

*2. Thay đổi thông tin về cha, mẹ trong nội dung khai sinh đã đăng ký sau khi được nhận làm con nuôi theo quy định của Luật nuôi con nuôi”.*

- 02 trường hợp, đăng ký cải chính năm sinh trong Giấy khai sinh, hồ sơ chỉ có Tờ khai đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch, không có giấy tờ làm căn cứ cải chính hộ tịch, vi phạm thủ tục quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Hộ tịch năm 2014: *“Người yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch nộp tờ khai theo mẫu quy định và giấy tờ liên quan cho cơ quan đăng ký hộ tịch”.* Cụ thể: Hồ sơ số 22/2020, cải chính năm sinh từ sinh năm 1983 thành 1982; hồ sơ số 23/2020, cải chính năm sinh từ sinh năm 1992 thành sinh năm 1989.

- 02 trường hợp, căn cứ vào Sổ Hộ khẩu và Giấy Chứng minh nhân dân để đăng ký cải chính năm sinh là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch: *Việc cải chính hộ tịch chỉ thực hiện khi có đủ căn cứ để xác định có sai sót do lỗi của công chức làm công tác tư pháp hộ tịch hoặc của người yêu cầu đăng ký hộ tịch, không cải chính nội dung trên giấy tờ hộ tịch đã được cấp hợp lệ nhằm hợp thức hóa thông tin trên hồ sơ, giấy tờ cá nhân khác.* Cụ thể: Hồ sơ số 06/2020, căn cứ Sổ hộ khẩu cấp năm 2015 và Giấy CMND cấp năm 2017 để cải chính năm sinh từ năm 1990 thành 1988; hồ sơ số 11/2020, căn cứ vào Sổ hộ khẩu cấp năm 2016 để cải chính năm sinh từ năm 1991 thành năm 1990.

- 02 trường hợp, đăng ký thay đổi tên, chữ đệm, hồ sơ không có giấy tờ làm căn cứ thay đổi theo quy định của pháp luật dân sự, vi phạm quy định về phạm vi thay đổi hộ tịch tại khoản 1 Điều 26 Luật Hộ tịch năm 2014: *“Thay đổi họ, chữ đệm và tên của cá nhân trong nội dung khai sinh đã đăng ký khi có căn cứ theo quy định của pháp luật dân sự”*. Cụ thể: Hồ sơ số 07/2020, thay đổi tên với lý do trùng tên dòng họ; hồ sơ số 28/2020, thay đổi tên, chữ đệm với lý do trùng tên trong dòng họ. Cả hai trường hợp này, hồ sơ đều không có căn cứ để thay đổi tên, chữ đệm theo quy định của pháp luật dân sự. Tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

*“Cá nhân có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận việc thay đổi tên trong trường hợp sau đây:*

*a) Theo yêu cầu của người có tên mà việc sử dụng tên đó gây nhầm lẫn, ảnh hưởng đến tình cảm gia đình, đến danh dự, quyền, lợi ích hợp pháp của người đó;*

*b) Theo yêu cầu của cha nuôi, mẹ nuôi về việc thay đổi tên cho con nuôi hoặc khi người con nuôi thôi làm con nuôi và người này hoặc cha đẻ, mẹ đẻ yêu cầu lấy lại tên mà cha đẻ, mẹ đẻ đã đặt;*

*c) Theo yêu cầu của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc người con khi xác định cha, mẹ cho con;*

*d) Thay đổi tên của người bị lưu lạc đã tìm ra nguồn gốc huyết thống của mình;*

*đ) Thay đổi tên của vợ, chồng trong quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài để phù hợp với pháp luật của nước mà vợ, chồng người nước ngoài là công dân hoặc lấy lại tên trước khi thay đổi;*

*e) Thay đổi tên của người đã xác định lại giới tính, người đã chuyển đổi giới tính;*

*g) Trường hợp khác do pháp luật về hộ tịch quy định”.*

## **2. Về chứng thực hợp đồng, giao dịch**

### **2.1. Về Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch**

Bìa Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch bỏ trống thông tin mục (A), Sổ chứng thực dùng từ năm 2016 đến nay nhưng thông tin mục quyền số ghi quyền số 01/2016-STC/HĐ-GD. Theo hướng dẫn tại Mục II Phụ lục mẫu lời chứng, mẫu sổ chứng thực được ban hành kèm theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch: Tại mục (A): Nếu là cơ quan thực hiện chứng thực thì ghi đầy đủ tên cơ quan, kèm theo địa giới hành chính (Ví dụ: Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh C; Phòng Tư pháp huyện B, tỉnh C), nếu là các tổ chức hành nghề công chứng thì ghi tên của Phòng Công chứng, Văn phòng công chứng (Ví dụ: Phòng Công chứng số 1 thành phố H). Thông tin về quyền số phải ghi số quyền, năm thực hiện chứng thực (Ví dụ: 01/2019); nếu một năm dùng nhiều sổ thì ghi số thứ tự liên tiếp (Ví

dụ: 02/2019); trường hợp một sổ sử dụng cho nhiều năm thì ghi số thứ tự theo từng năm (Ví dụ: 01/2018 + 01/2019 + 01/2020).

## **2.2. Về hồ sơ chứng thực hợp đồng, giao dịch**

Trường hợp chứng thực số 01/2020, chứng thực hợp đồng hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên A là ông Trần Anh Thông, Nguyễn Thị Thìn và bên B là ông Lê Văn Linh, bà Bùi Thị Liên Châu: Hồ sơ không lưu đầy đủ số lượng các bản hợp đồng đã phát hành trước đây của hợp đồng được hủy bỏ (chỉ lưu 01 bản); đồng thời, theo nội dung tại trang Lời chứng, hợp đồng được hủy bỏ là Hợp đồng số 110/quyên số 01/2012/TP/CC-SCT/HĐGD chứng thực ngày 20/9/2012 nhưng trang 1 hợp đồng lại ghi là hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Phòng Tư pháp chứng thực ngày 20/9/2015.

## **III. KẾT LUẬN**

### **1. Ưu điểm**

Công tác tham mưu của Phòng Tư pháp huyện Trà Bồng trong việc thực hiện đăng ký, quản lý hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch trong những năm qua đã có nhiều chuyển biến tích cực. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về hộ tịch và chứng thực được quan tâm; việc hướng dẫn, tập huấn nghiệp vụ, theo dõi, kiểm tra công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và chứng thực tại UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện được thực hiện thường xuyên, nền nếp; trong năm 2020, không phát sinh trường hợp đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến công tác hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch.

### **2. Những tồn tại, sai sót**

Việc tham mưu thực hiện công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch tại Phòng Tư pháp huyện Trà Bồng, tuy đã đạt được kết quả tích cực nhưng vẫn còn một số trường hợp chưa đảm bảo theo quy định pháp luật chuyên ngành. Cụ thể:

- Ghi thông tin vào trang bìa Sổ thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch không đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Thông tư số 15/2015/TT-BTP (từ ngày 16/7/2020, nội dung này được quy định tại khoản 1 Điều 36 Thông tư số 04/2020/TT-BTP).

- Không đóng dấu giáp lai, khóa Sổ hộ tịch, vi phạm quy định tại Điều 58 Luật Hộ tịch năm 2014 và khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 36 Thông tư số 04/2020/TT-BTP.

- 04 trường hợp (hồ sơ số 03/TLCCHT, 04/TLCCHT, 12/TLCCHT, 13/TLCCHT năm 2020), nội dung đăng ký việc cải chính hộ tịch nhưng xác định thay đổi hộ tịch là không đúng quy định tại Điều 26, Điều 45 Luật Hộ tịch năm 2014 về phạm vi thay đổi hộ tịch.

- 04 trường hợp, đăng ký cải chính hộ tịch (hồ sơ số 06, 11, 22, 23/2020), vi phạm thủ tục quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Hộ tịch năm 2014 và khoản 2 Điều 7 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP.

- 02 trường hợp, đăng ký thay đổi tên, chữ đệm (Hồ sơ số 07, 28/2020), vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Hộ tịch năm 2014.

- Bìa Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch ghi thông tin không đúng theo hướng dẫn tại Mục II Phụ lục mẫu lời chứng, mẫu sổ chứng thực được ban hành kèm theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

Những tồn tại, sai sót này là trách nhiệm của công chức được giao nhiệm vụ làm công tác hộ tịch, chứng thực hợp đồng, giao dịch của Phòng Tư pháp; trong quá trình tham mưu chưa chủ động, tích cực nghiên cứu đầy đủ các quy định pháp luật. Đồng thời, lãnh đạo Phòng Tư pháp chưa thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở nên trong quá trình tham mưu cho UBND huyện còn một số tồn tại, thiếu sót.

#### **IV. KIẾN NGHỊ**

Căn cứ Luật Thanh tra năm 2010 và các văn bản có liên quan, trên cơ sở kết quả thanh tra, xét tính chất và mức độ các sai phạm; Giám đốc Sở Tư pháp kiến nghị như sau:

##### **1. Đối với Phòng Tư pháp huyện Trà Bồng**

**1.1.** Tiếp tục phát huy những kết quả đạt được trong công tác tham mưu về thực hiện đăng ký, quản lý hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch; đồng thời, nghiêm túc rút kinh nghiệm đối với những tồn tại đã nêu tại Mục II, Mục III Kết luận thanh tra.

**1.2.** Chủ động khắc phục những tồn tại, sai sót. Cụ thể:

- Phân công công chức ghi thông tin vào bìa Sổ hộ tịch, bìa Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch; thực hiện đóng dấu giáp lai từ trang đầu đến trang cuối ngay khi mở Sổ hộ tịch, thực hiện khóa Sổ hộ tịch theo đúng quy định.

- Phân định rõ nội dung đăng ký thay đổi hộ tịch và nội dung đăng ký cải chính hộ tịch.

- Bổ sung giấy tờ làm căn cứ thay đổi, cải chính hộ tịch theo đúng quy định (*các số đăng ký 06, 07, 11, 22, 23, 28/2020*).

**1.3.** Về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch: Lãnh đạo Phòng Tư pháp và các công chức của Phòng Tư pháp nêu cao vai trò trách nhiệm trong việc tham mưu UBND huyện thực hiện quản lý nhà nước về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và chứng thực trên địa bàn huyện; nghiên cứu, nắm vững các quy định của Luật Hộ tịch năm 2014, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP, Thông tư số 04/2020/TT-BTP và các văn bản khác có liên quan để giải quyết các yêu cầu của công dân được nhanh chóng, chính xác, đúng quy định của pháp luật.

**1.4.** Về công tác chứng thực: Khi thực hiện chứng thực hợp đồng giao dịch, tùy vào đối tượng tài sản tham gia giao dịch, ngoài việc tuân thủ các quy

định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; các bên tham gia giao dịch và cơ quan có thẩm quyền chứng thực cần phải tuân thủ các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

## **2. Đối với UBND huyện Trà Bồng**

Đề nghị UBND huyện tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quan tâm, tạo điều kiện để Phòng Tư pháp thực hiện tốt nhiệm vụ tham mưu về công tác hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch. Chỉ đạo Phòng Tư pháp tăng cường kiểm tra, hướng dẫn, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, hỗ trợ về chuyên môn, nghiệp vụ cho công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã; có biện pháp, hình thức tuyên truyền rộng rãi, đạt hiệu quả hơn cho Nhân dân trên địa bàn huyện, nhằm nâng cao ý thức chấp hành các quy định pháp luật của người dân, góp phần nâng cao chất lượng công tác tư pháp địa phương.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1.** Yêu cầu Phòng Tư pháp huyện Trà Bồng tổ chức niêm yết công khai Kết luận thanh tra này tại trụ sở làm việc của Phòng trong 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 46 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ. Trong thời hạn 30 ngày, Phòng Tư pháp huyện Trà Bồng phải báo cáo kết quả thực hiện Kết luận thanh tra về Sở Tư pháp (*qua Thanh tra Sở*) để theo dõi, kiểm tra, đôn đốc theo quy định tại Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27/3/2015 của Chính phủ.

**2.** Giao Chánh Thanh tra Sở Tư pháp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra và báo cáo Giám đốc Sở theo quy định./.

### ***Nơi nhận:***

- Thanh tra Bộ Tư pháp;
- Thanh tra tỉnh;
- UBND huyện Trà Bồng;
- Phòng Tư pháp huyện Trà Bồng;
- GD, các PGĐ Sở;
- CVP, CTTr Sở;
- Trang TTĐT Sở;
- Lưu: VT, TTr (nttr).

**GIÁM ĐỐC**

**Tôn Long Hiếu**